

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Hân;
2. Bà Phan Thị Trang Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Quốc H, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2019 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn ông Trần Quốc H trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Hồng L kết hôn với nhau vào năm 1994, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Từ năm 1994 đến năm 2015 trong cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, luôn mâu thuẫn và không thể giải quyết được mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung trong mọi vấn đề, mọi công việc.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được nên tháng 11 năm 2016 vợ chồng đã chính thức sống ly thân cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, đời sống chung không đạt được hạnh phúc, nên ông Trần Quốc H xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng L.

- Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Trần Hải Y, sinh ngày 08/8/2001 (nữ), hiện con đang học đại học. Khi ly hôn, con đã lớn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 24 tháng 12 năm 2019 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày:*

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên bà Nguyễn Thị Hồng L kết hôn với ông Trần Quốc H từ năm 1994, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 11 năm 2016 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không lớn có thể giải quyết được nhưng do ông H và bà L có 02 căn nhà, bà L ở căn nhà tại khóm 4, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn cùng với con gái để lo cho con gái đi học còn ông H thì ở căn nhà trên phần đất vuông tôm tại ấp Xóm Lớn Trong, xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn nên dần dần có sự xa cách chứ vợ chồng không có cự cãi vì nhiều, nên trước yêu cầu ly hôn của ông H thì bà L không đồng ý ly hôn với ông H vì còn tình cảm và không muốn gia đình tan vỡ, con gái cần có cha ổn định tinh thần để học tập.

- Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Trần Hải Y, sinh ngày 08/8/2001 (nữ), hiện con đang học đại học tại Trường đại học Cần Thơ. Khi ly hôn, con đã lớn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần Quốc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng L đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà L là có căn cứ.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Hồng L kết hôn với nhau từ năm 1994, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục địa phương nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 42 ngày 14 tháng 6 năm 2012. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của ông H và bà L được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, ông H xin ly hôn là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau và không tìm được tiếng nói chung trong mọi vấn đề, mọi công việc, dần dần mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được nên tháng 11 năm 2016 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Đối với yêu cầu ly hôn của ông H thì bà L không đồng ý ly hôn với ông H vì còn tình cảm và không muốn gia đình tan vỡ, con gái cần có cha, có mẹ ổn định tinh thần để học tập. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của ông H và bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, thể hiện là ông H và bà L có 02 căn nhà, bà L ở căn nhà tại khóm 4, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn cùng với con gái để lo cho con gái đi học còn ông H thì ở căn nhà trên phần đất vuông tằm tại ấp Xóm Lớn Trong, xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn nên dần dần có sự xa cách. Mặt khác, năm 2016 bà L có làm đơn xin ly hôn với ông H nhưng chưa nộp đơn đến Tòa án, như vậy mâu thuẫn giữa ông H và bà L đã xảy ra từ năm 2016 cho đến nay mà vẫn không giải quyết, khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H. Ông H được ly hôn với bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên ông H phải chịu nộp 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Quốc H. Ông Trần Quốc H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng L.

2. Về nuôi con chung, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng ông H phải chịu nộp án phí, ông H có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0006959 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được khấu trừ, không phải nộp tiếp.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Hàng Vĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo